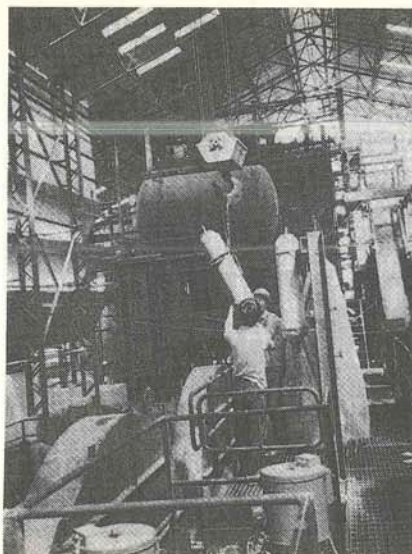


Trong nền kinh tế thị trường, cứ 4 - 6 năm, lại xảy ra chu kỳ phồn thịnh - đình đốn. Tại VN, từ năm 1991, một quá trình phồn vinh được nhen nhúm, qua một số yếu tố thuận lợi như đất nước hòa bình và ổn định, đầu tư quốc tế ngày càng tăng, việc khai thác có lợi những công trình trọng điểm đã hoàn thành trong thập niên 80 như thủy điện Hòa Bình và Trị An, dầu khí Việt Xô, trồng mới gần 200.000 ha cao su, số du khách tăng, giá nhà và đất tăng, các ngành như nuôi tôm, nuôi cá bẹ, làm hàng may mặc, trồng cà phê, trồng lúa xuất khẩu đều có lãi. Ngân hàng cho vay dễ dàng. Nhưng từ năm 1995, các yếu tố thuận lợi trên đây không còn nữa. Ngành nuôi tôm xuất khẩu bị đứt tôm 4 năm liền. Nuôi cá bẹ xuất khẩu, kinh doanh khách sạn bị lỗ từ năm 1996, tiếp theo xảy ra vụ án Tamexco, ngân hàng khi kiểm tra các sổ nợ lớn nhận thấy nhiều xí nghiệp đã vay quá khả năng hoàn trả của mình như Epcó, Minh Phụng, May xuất khẩu quận 3 (TP.HCM) v.v...đặc biệt tỷ lệ vốn riêng/vốn vay của nhiều xí nghiệp rất mỏng, nhiều khi chỉ đạt 1/20 - 1/10, có khi thấp hơn 1/20. Trong điều kiện lãi suất vay tiền ở VN cao hơn so với nước ngoài, nhiều xí nghiệp đã phải dùng một tỷ lệ cao số doanh thu để trả lãi nợ, nhiều xí nghiệp trả lãi ngân hàng nhiều hơn cả số với trả lương cho công nhân. Cơ cấu vốn riêng / vốn vay của nhiều xí nghiệp VN trở thành 1 trong những yếu tố chính gây khó khăn kinh tế hiện nay.

1. KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Trong nền kinh tế thị trường, cứ từng thời gian, lại xảy ra khủng hoảng kinh tế. Có nhiều ý kiến giải thích hiện tượng này: ý kiến được nhiều người đồng tình là giai đoạn phồn vinh thường được bắt đầu bởi việc tăng giá đầu tư của một số xí nghiệp do một số yếu tố thời cơ gây ra: như giá nhà, giá đất tăng, sản xuất một số mặt hàng hứa hẹn đem lại lợi nhuận cao. Do đó nhiều xí nghiệp vay tiền ngân hàng để đầu tư. Các số đầu tư mới tạo thừa số nhân đầu tư làm tăng mãi lực người dân, lôi cuốn thêm nhiều xí nghiệp vốn dè dặt trước đây tham gia vào việc đầu



TÀI CHÍNH CÁC XÍ NGHIỆP VIỆT NAM HIỆN NAY XÓA NỢ BẰNG PHƯƠNG PHÁP BÙ TRỪ

TS. LÊ KHOA

tư mở rộng sản xuất. Nhưng cung hàng hóa tăng đưa đến việc kéo giá hàng xuống: nhiều xí nghiệp có tỷ lệ vốn riêng/vốn vay thấp phải chịu gánh nặng tiền lãi quá cao không thanh toán được nợ ngân hàng. Xảy ra tình hình vỡ nợ một số xí nghiệp lớn: ngân hàng trở nên dè dặt hơn trong việc cho vay và kiểm tra hàng thế chấp của các xí nghiệp vay tiền, đặc biệt là các khách vay lớn. Thông thường các cuộc kiểm tra này phát hiện ra nhiều khách đã đem tài sản của mình cầm cho nhiều ngân hàng để vay nợ, hoặc tổng số nợ vay tại nhiều ngân hàng vượt khỏi khả năng thanh toán của khách vay. Bấy giờ ngân hàng trở nên dè dặt hơn trong việc cho các khách hàng vay: các xí nghiệp thiếu vốn lưu động phải giảm sản xuất, bớt nhân viên: thừa số nhân gây đình trệ xuất hiện khiến cho đình

đốn kinh tế càng ngày càng lan rộng đến nhiều ngành và nhiều xí nghiệp khác. Các giai đoạn đình đốn kinh tế làm phá sản xác xí nghiệp yếu về tài chính, có tỷ lệ vốn riêng/vốn vay thấp, hoặc quản lý không tốt, trong xí nghiệp có nạn tham ô làm tài sản của xí nghiệp bị mất khiến cho xí nghiệp không thanh toán được nợ ngân hàng hoặc kỹ thuật lạc hậu: xí nghiệp làm ra những hàng phẩm chất kém, giá thành cao, không bán được trên thị trường. Những xí nghiệp này sẽ bị phá sản trong các giai đoạn đình đốn để nhường chỗ cho những xí nghiệp mới quản lý tốt hơn, có nhiều vốn riêng hơn. Những xí nghiệp này sẽ đầu tư và tạo ra một giai đoạn phồn vinh mới.

Quy trình trên đã được kiểm chứng phần nào trong quá trình phồn vinh 1991 - 1995 và khó khăn 1996 đến nay. Nhiều xí nghiệp lớn tại VN đã bị phá sản: như

Tamexco, Epcó, Minh Phụng, May xuất khẩu quận 3. Nhiều xí nghiệp khác đang gặp các khó khăn gay gắt về tài chính: như Liên hiệp dầu tằm, cá bẹ An Giang; các xí nghiệp nuôi tôm xuất khẩu Minh Hải; nông dân trồng mì ở tỉnh Đồng Nai; và các nơi khác trồng điều, trồng lúa bị lỗ nặng, tuy sản xuất tăng, nhưng cà phê nửa năm đầu 1997 xuống giá, kinh doanh nuôi bò sữa không còn có lãi nhiều như trước v.v...ngành kinh doanh khách sạn bị lỗ từ năm 1996 và ngành kinh doanh địa ốc không vững vì giá nhà, nhà đất xuống từ 1995. Quy trình trên được đẩy mạnh do lãi suất ngân hàng cao, tỷ giá thấp, thuế đánh vào hàng nội địa, quản lý vĩ mô và vi mô kém, nhất là ở những nước chưa có kinh nghiệm nhiều về quản lý kinh tế thị trường như VN. Trên các báo kinh tế, ngân hàng, mấy năm gần đây, một số nhà kinh tế đã nói đến các nguy cơ tiềm ẩn như lãi suất cao, tỷ giá thấp, hiện tượng tham ô, máy móc lạc hậu, quản lý vĩ mô và vi mô kém. Trong thời kỳ phồn vinh, các nguy cơ trên đây tiềm ẩn. Trong thời kỳ đình đốn, các nguy cơ trên không còn tiềm ẩn mà phát huy sức phá hoại của chúng qua thừa số nhân gây đình đốn.

VN là một nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy có nền kinh tế

thị trường, nhưng nền kinh tế này phải được kế hoạch hóa, có hướng dẫn. VN không thể chấp nhận các giai đoạn khủng hoảng như các nước tư bản, lý do vì chỉ có thực hiện được một nền kinh tế phồn vinh thường xuyên thì VN mới bắt kịp phần nào các nước phát triển láng giềng. Và chẳng, các xí nghiệp hợp doanh hay quốc doanh. Nếu để hàng loạt các xí nghiệp quốc doanh, hợp doanh phá sản, thì độc lập kinh tế sẽ bị đe dọa.

Từ tháng 8.1996, nhà nước đã lưu tâm đến hiện tượng lần đầu tiên xảy ra ở VN: giá cả âm thuy vì ở trong mức 10 - 15% như Quốc hội quyết. Tháng 10.1996, nhiều đại biểu Quốc hội đã góp ý với Bộ thương mại về tình hình nhập siêu, trong đó có nhiều mặt hàng cạnh tranh không lành mạnh với hàng đã sản xuất trong nước như giấy, đường mía, xe đạp, xi măng, sắt thép v.v... (lúc bấy giờ chưa có nhận xét về việc một số xí nghiệp như Epcó, Minh Phụng, Tamexco v.v... xin nhập khẩu để có cơ vay nợ mới trả nợ cũ: nhu cầu nhập khẩu không phải do cầu hàng nhập khẩu quy định, mà do nhu cầu vay nợ mới của Epcó, Minh Phụng, Tamexco quy định). Từ tháng 10.1996, vào những ngày cuối tháng, văn phòng Thủ tướng đều họp báo và thông báo các biện pháp tháo gỡ các khó khăn, trong đó có các biện pháp như giới hạn nhập khẩu một số hàng, tìm cách mua lúa, mua hạt điều với giá cao, cho vay không cần thế chấp mà theo các dự án khả thi v.v...

II. NHỮNG BIỆN PHÁP GIẢI QUYẾT CƠ BẢN

Những biện pháp được áp dụng hiện nay chưa đạt hiệu quả cao, vì chưa có biện pháp cơ bản để giải quyết công nợ của các xí nghiệp, tỷ lệ vốn riêng/vốn vay quá thấp của nhiều xí nghiệp. Ở Nhật, các xí nghiệp có một đồng vốn được vay 10 đồng. Nhiều quan sát viên phương Tây cho rằng tỷ lệ này chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, không lành mạnh so với phương Tây, các ngân hàng chỉ cho vay: 1 đồng vốn riêng chỉ được vay 2 - 3 - 4 đến 5 đồng. Ở Sài Gòn, thời kỳ 1970 - 1975, các xí nghiệp tư nhân, có 1 đồng vốn, chỉ được vay khoảng 3 đồng tại các ngân hàng, đầu tư và thêm 2 đồng tại các ngân hàng thương mại, như vậy tỷ lệ vốn riêng/vốn vay thấp nhất là 1/5. Báo chí VN nói nhiều về việc khó khăn khi vay vốn nhưng không lưu tâm đến việc nhiều xí nghiệp có tỷ lệ vốn riêng/vốn vay thấp hơn 1/20.

Có nhiều lý do giải thích tỷ lệ vốn riêng/vốn vay thấp trên đây, VN là một nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong thời gian bao cấp, các xí nghiệp có nhiệm vụ sản xuất,

nếu lỗ thì nhà nước bù lỗ. Thí dụ như ngành điện có nhiệm vụ cung cấp càng nhiều điện càng tốt, nếu có lỗ nhà nước bù lỗ. Cuối thập niên 80, do lạm phát cao nên lãi suất cho vay đối với các xí nghiệp được nâng cao lên 12%, lãi suất 14%/tháng được áp dụng đối với các nợ quá hạn để có tiền trả cho những người gửi tiền tiết kiệm vào ngân hàng. Thời bấy giờ, mục tiêu chính yếu là chống lạm phát, nên chỉ có một số ít tác giả chú trọng đến mặt trái của lãi suất cao: các xí nghiệp làm sao kiếm được lợi nhuận cao hơn lãi suất 12 - 14% tháng để trả cho ngân hàng (do đó ngân hàng mới có tiền trả lãi cho người gửi tiền). Một số người đã chú ý đến thành tích huy động vốn mà không lưu tâm đến việc số nợ các xí nghiệp quốc doanh càng năm càng cao hơn. Sao thời gian bao cấp, nhà nước không bù lỗ nữa, nhưng để cho các xí nghiệp quốc doanh tiếp tục hoạt động được, ngân hàng cho các xí nghiệp vay dễ dàng. Như vậy, sau biện pháp bù lỗ của giai đoạn bao cấp, các xí nghiệp đã xoay qua bám vào vũ sũa tín dụng ngân hàng, như vũ sũa này có cái gai là lãi suất cao và vay nợ phải trả nợ và lãi vào ngày đáo hạn. Nếu không trả nợ lãi được vào ngày đáo hạn, ngân hàng nhập lãi vào vốn vay và nợ mẹ lãi con tăng nhanh theo cấp số nhân (lãi kép).

Một phần do quản lý vì mô không tốt (máy xấu, làm hàng lạc hậu), trong đó có cả nạn tham ô (như Tamexco), một phần do quản lý vì mô làm tăng chi phí xí nghiệp (như lãi suất cao, tỷ giá thấp, thuế cao, các phí đầu vào, như tiền thuê mặt bằng, lương nhân công tăng) trong khi thị trường bị thu hẹp do nạn buôn lậu, chính sách bảo vệ hàng nội còn nhiều thiếu sót, các xí nghiệp quốc doanh hay tư nhân VN đều bị sự cạnh tranh rất mạnh của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nên nhiều xí nghiệp đã bị thua lỗ trong thời gian 1992 - 1996. Theo các số liệu được công bố, từ 12.300 doanh nghiệp vào cuối năm 1989, số DNQD chỉ còn hơn 6.000 hiện nay và dự trữ sẽ còn giảm nữa. Tính đến ngày 1.1.1996, tổng số vốn của các DNN là 109.000 tỷ đồng, chưa kể nợ ngân hàng; vay lưu động và vay để đầu tư, các khoản phải thu của các DNN đến cuối 1994 là 33.000 tỷ đồng, bằng 20% so với tổng doanh thu. Rất nhiều doanh nghiệp có các số nợ lớn, như Liên hiệp dầu tằm, Cá Bè An Giang v.v... chưa kể các xí nghiệp đã phá sản như Tamexco, Đồng lạnh Hùng Vương v.v... đã bị phá sản. Còn về các doanh nghiệp tư nhân, tuy có đến 25.000 doanh nghiệp tư nhân có giấy phép hoạt động, nhưng số vốn chỉ khoảng 10.000 tỷ đồng, xí nghiệp tư nhân lớn

nhất là Minh Phụng đã bị phá sản với số nợ 6.700 tỷ đồng.

Vấn đề nan giải hiện nay là tỷ lệ vốn riêng/vốn vay quá ít, với tỷ lệ thấp hiện nay thì các xí nghiệp khó mà trụ lại được và hầu hết các xí nghiệp phải dùng một bách phân quá cao doanh thu để trả lãi và nợ ngắn hạn, không có vốn để tân trang thiết bị đổi mới công nghệ, nguy cơ phá sản đang đe dọa một số khá lớn xí nghiệp.

Nếu tình hình này tiếp tục, thì VN rất khó thoát ra được các khó khăn kinh tế hiện nay. Theo như ở trên đã trình bày, các giai đoạn đình đốn khó khăn làm phá sản các xí nghiệp yếu về tài chính, sau đó sẽ xuất hiện một xí nghiệp mới mạnh về tài chính, về vốn riêng; những xí nghiệp này sẽ đầu tư và tạo ra một quá trình phồn vinh mới. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, những xí nghiệp mới mạnh về vốn này sẽ là các xí nghiệp nước ngoài có vốn đầu tư ngoại quốc, chứ không phải là xí nghiệp VN, quốc doanh hay tư nhân. Như vậy, VN sẽ không còn độc lập kinh tế?

Do vậy cần có những biện pháp tích cực về tiền tệ để dành được độc lập kinh tế và phát triển nhanh.

1. Thanh toán nợ các xí nghiệp bằng phương pháp bù trừ

Ngân hàng nhà nước, các ngân hàng cấp dưới như ngân hàng thương mại, đầu tư, ngoại thương đều là ngân hàng quốc doanh hay các xí nghiệp quốc doanh, tất cả đều thuộc nhà nước, vậy lợi sang xuống nữa, có thể thanh toán nợ bằng phương pháp bù trừ như sau:

a. Bộ tài chính lên danh sách các xí nghiệp quốc doanh và cả tư nhân cần phải trả những nợ thuộc loại tài chính, không còn liên quan đến các dự án đầu tư phát triển sản xuất - tổng cộng giá trị là 50.000 tỷ đối với các xí nghiệp còn có khả năng cải tổ lại và phát triển sản xuất nếu như tỷ lệ nợ giảm. Bộ tài chính sẽ yêu cầu Ngân hàng nhà nước ứng đủ 50.000 đồng để thanh toán các số nợ trên.

b. Ngân hàng nhà nước, sau khi thỏa thuận với Bộ tài chính về danh sách trên, sẽ ứng cho ngân sách (Bộ tài chính) một số tiền đủ để thanh toán dứt khoát các số nợ tồn đọng, tỷ như 50.000 tỷ đồng (dưới hình thức bút tệ).

c. Bộ tài chính ứng tiền này cho các xí nghiệp quốc doanh để thanh toán nợ ngân hàng. Bộ tài chính cũng có thể ứng tiền cho một số xí nghiệp tư nhân, với điều kiện các xí nghiệp này có thể trụ lại được, và các phần hùn của các cổ đông tư nhân sẽ được giao cho nhà nước. Như vậy các xí nghiệp tư nhân này sẽ biến thành quốc doanh hay hợp doanh.

d. Các xí nghiệp quốc doanh và

xí nghiệp tư nhân (biến thành quốc doanh hay hợp doanh mới) sẽ dùng 100% số tiền nhận được trả nợ cho các ngân hàng cấp dưới đã cho các xí nghiệp này vay.

e. Các ngân hàng cấp dưới, sau khi nhận được tiền trả, sẽ sử dụng như sau:

(1) một phần trả cho Ngân hàng nhà nước nếu như trước đây Ngân hàng nhà nước có góp vốn hay cho các ngân hàng này vay,

(2) một phần nộp cho Ngân hàng nhà nước dưới hình thức tiền dự trữ chỉ sinh lãi nhẹ,

(3) một phần cho các Ngân hàng cấp dưới giữ lại để tăng bổ sung nguồn vốn của ngân hàng.

Ba phần này sẽ được Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng cấp dưới linh động áp dụng tùy tình hình cụ thể.

Qua trên, thấy các số nợ các xí nghiệp phần lớn đã được thanh toán theo phương pháp bù trừ. Ngân hàng nhà nước là cơ quan ứng tiền trước cuối cùng đã nhận lại, tuy không 100% số tiền ứng, nhưng cũng được một bách phân khá cao số tiền ứng cho nhà nước dưới hình thức (1) và (2). Còn các ngân hàng cấp dưới sau khi nộp khoản (1) (2) cho Ngân hàng nhà nước, cũng còn giữ lại được phần (3). Các xí nghiệp sẽ có tình hình tài chính lành mạnh và tại VN sẽ không còn xảy ra nạn đình đốn kinh tế kéo dài, vì nhiệm vụ xóa nợ các xí nghiệp yếu về tài chính đã được giải quyết nên có thể bắt đầu một giai đoạn phát triển và phồn vinh mới.

2. Các ý kiến về phương pháp xóa nợ bằng phương pháp bù trừ

Tình hình tài chính yếu của các xí nghiệp quốc doanh, tư nhân hiện nay rất khó có biện pháp hoàn hảo, nên có thể dự đoán một số ý phản đối hay tán thành như sau:

a. Ý kiến phản đối: không tán thành giải pháp bù trừ trên vì:

- Bù trừ không 100%: cuối cùng ngân hàng cấp dưới lỗ vì được thanh toán nợ nhưng chỉ được sử dụng một phần (3) còn 2 phần phải nộp cho Ngân hàng nhà nước.

- Ngân hàng nhà nước ứng 100% (như 50.000 tỷ đồng) nhưng chỉ nhận lại phần (1) và (2).

- Chỉ có xí nghiệp là mừng một cách vô lý: khi không được xóa nợ gần như 100%.

- Trong các xí nghiệp, trừ một số cố gắng làm ăn, còn những xí nghiệp ban giám đốc tham ô, như Tamexco, nếu xóa nợ họ sẽ không bị ra tòa?

b. Ý kiến tán thành vì các lý do sau đây:

- Một số nợ lớn của các xí nghiệp tư nhân hay quốc doanh hiện nay là các số nợ không thể thanh toán được, dù ngân hàng có cộng thêm lãi hàng

năm thì rốt cuộc các số tiền cho Epcó, Minh Phụng v.v...cũng sẽ mất. Số tiền mất này tương ứng với khoản (1) và (2). Vậy trước hay sau cũng mất, tại sao không chịu xóa nợ?

- Các số nợ trên không còn là những khối tiền lành mạnh, phục vụ sản xuất, lưu thông, mà nó giống như các tế bào ung thư ác tính, càng năm càng tăng do lãi, rốt cuộc sẽ làm chết các xí nghiệp mắc nợ qua phá sản. Trước hay sau bệnh không thanh toán được nợ sẽ bùng nổ như Epcó, Minh Phụng. Vậy tại sao không giải phẫu bằng phương pháp xóa nợ?

- Không phải xí nghiệp nào cũng được trắng nợ, phân biệt các xí nghiệp cố gắng kinh doanh tốt và các xí nghiệp có nạn tham ô cần xử lý nghiêm.

- Nếu không giải phẫu bằng biện pháp xóa nợ sẽ xảy ra các vụ việc phá sản, đình đốn, kinh tế chững lại, hiểm họa khó lường.

- Nếu chấp thuận xóa nợ bằng phương pháp bù trừ tài chính, các xí nghiệp sẽ lành mạnh ngay, và một quá trình phát triển sẽ có thể xảy ra.

- Khó khăn sau khi thanh toán nợ sẽ giảm bằng (1) và (2) tương ứng với khối u ác tính nợ không còn khả năng thanh toán, hay thanh toán thì các xí nghiệp phải dẹp tiệm. Khi khối u ác tính trên đã mất không còn cần bàn tay giải phẫu của khủng hoảng kinh tế.

3. Khó khăn và phương pháp xóa nợ bằng phương pháp bù trừ

Thông thường, việc Ngân hàng nhà nước ứng tiền cho ngân sách đưa đến việc làm tăng khối tiền lưu hành và gây áp lực tăng giá và lạm phát. Trong việc ứng tiền để xóa nợ, trái lại, do tiền ứng được dùng để trả nợ cho ngân hàng, theo nguyên lý những số tiền cho vay tạo ra tiền gởi và các số tiền trả nợ tạo việc rút tiền gởi, bằng với các khoản (1) và (2). Số tiền không giảm thêm bằng với khoản (3) là vì khoản (3) này tương ứng với số tiền đã lưu hành trong dân, được người dân tiết kiệm gởi vào ngân hàng: các ngân hàng cấp dưới được quyền giữ lại để đối phó với việc các tư nhân gởi tiền có thể xin rút tiền ra.

Do tiền giảm bằng (1) + (2) nên theo phương trình Fisher về dung lượng tiền: $MV = PQ$, trong đó M chỉ khối tiền, V tốc độ lưu hành của tiền, P chỉ số giá, Q lượng hàng (hay GDP), P có khuynh hướng giảm về mặt lý luận. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng (1) + (2) là các số tiền bất động - những số nợ chết, không thanh toán được - nên tốc độ V là 0. Do đó, việc ứng tiền để thanh toán nợ không có tác dụng làm tăng giá, đối với phần tiền (1) và (2), nên giới hạn mức độ ứng tiền (3) để không gây tác dụng

tăng giá quá mức Quốc hội cho phép là 10 đến 15%/năm.

Ở trên, chúng tôi đã trình bày ý kiến rằng ngân hàng lỗ vì bù trừ không 100%: ngân hàng cấp dưới lỗ vì được thanh toán nợ nhưng chỉ được sử dụng một phần (3), còn phần (1) và (2) phải nộp cho Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng nhà nước ứng 100% (như 50.000 tỷ đồng) nhưng chỉ nhận lại phần (1) và (2). Thật ra, trên bình diện vĩ mô tiền lưu hành được phân tích như là nợ đối với quốc dân và ngân hàng có nhiệm vụ quản lý tiền sao cho tiền gây tác dụng chất giảm bớt sự ma sát hay chất nhờn - chất dầu bôi; cho hoạt động lưu thông và đầu tư trở nên trơn tru. Ngân hàng không làm được việc này khi khối tiền gồm một lượng quá nhiều tiền bị bất động trong các số nợ quốc thanh toán được, giống như khối u ác tính, các tế bào tiền tăng thêm theo định luật lãi kép, rút hết doanh thu lợi nhuận các xí nghiệp mà không làm ích lợi gì cho sản xuất lưu thông. Ngân hàng biến thành cơ quan cho vay phí sản xuất với lãi nặng và không còn là cơ quan huy động vốn để tài trợ cho đầu tư. Do đó, ngân hàng không hoàn thành nhiệm vụ huy động vốn để đầu tư của mình. Khối tiền (1) và (2) luôn có nguy cơ biến thành số không bất cứ lúc nào, khi các xí nghiệp cho biết không trả được nợ. Ngân hàng không làm tròn nhiệm vụ trả nợ đối với quốc dân vì tiền phát hành hay ký thác đều là nợ của ngân hàng đối với quốc dân. Bằng cách xóa khối tiền hay khối nợ không thanh toán được, ngân hàng thật ra giảm nợ đối với quốc dân là người hưởng lãi chính trong phương án xóa nợ.

Tóm lại, trong nền kinh tế thị trường, cuối các giai đoạn phồn vinh, sẽ có giai đoạn khủng hoảng. Vậy nên chọn phương pháp giải phẫu bằng đình đốn phá sản hay phương pháp xóa nợ bằng phương pháp bù trừ, trong đó Ngân hàng nhà nước, các ngân hàng cấp dưới, các xí nghiệp đều là cơ quan nhà nước ngồi chung bàn thảo luận rồi xóa các nợ trước sau đều không thanh toán được sẽ có nhiều lợi hơn so với việc để khủng hoảng hay đình đốn kinh tế làm nhiệm vụ phá sản hàng loạt các xí nghiệp, trong đó nhiều xí nghiệp đã có thành tích phát triển kinh tế, tỷ như trong ngành cá bè, dâu tằm, phân phốt phát v.v...Trong nền kinh tế tư bản, không thể xóa nợ vì đụng đến quyền tư hữu và giá trị pháp lý các cam kết đã ký. Nhưng kinh tế VN có tính xã hội chủ nghĩa, các khái niệm trên chỉ có tính tương đối. Do đó xuất hiện khả năng xóa các bóng ma khủng hoảng kinh tế mà trong xã hội tư bản được xem là vấn đề không giải quyết được ■